

Số: 1867/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để tặng quà nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 2 năm 2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 160/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1811/NQ-UBTVQH15 ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc bổ sung nội dung chi từ nguồn dự toán chi ngân sách trung ương năm 2025 được Quốc hội quyết định nhưng chưa phân bổ chi tiết;

Căn cứ Nghị quyết số 263/NQ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về việc tặng quà nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9;

Trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số 13577/BTC-NSNN ngày 29 tháng 8 năm 2025 về việc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để tặng quà nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung có mục tiêu từ nguồn dự toán chi ngân sách trung ương năm 2025 đã được Quốc hội quyết định nhưng chưa phân bổ chi tiết cho 34 tỉnh, thành phố để thực hiện chính sách tặng quà nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, với tổng kinh phí là 10.700.242.800.000 đồng (Mười nghìn bảy trăm tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu

tám trăm nghìn đồng); chi tiết mức bổ sung cho từng tỉnh, thành phố theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

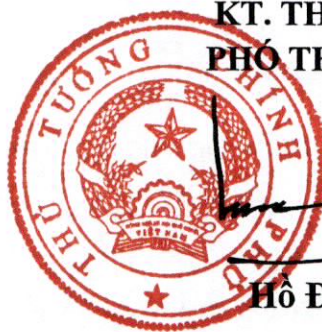
Điều 2. Bộ Tài chính, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố được giao bổ sung kinh phí nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của nội dung, số liệu báo cáo, đề xuất; quản lý, sử dụng, thanh quyết toán số kinh phí bổ sung theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Chính phủ về việc tặng quà nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9; tổ chức tặng quà cho nhân dân bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công an, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTg, PTTg Hồ Đức Phớc;
- Bộ Công an;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân,
- Trợ lý TTg;
- Lưu: VT, KTTH. 5



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hồ Đức Phớc



PHỤ LỤC

**Kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương
cho ngân sách địa phương để tặng quà người dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm
Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9
(Kèm theo Quyết định số 1867/QĐ-TTg ngày 29/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ)**

STT	Tỉnh, thành phố	Số công dân (Người)	Kinh phí (Nghìn Đồng)
	<u>TỔNG SỐ</u>	<u>107.002.428</u>	<u>10.700.242.800</u>
1	TUYÊN QUANG	1.864.135	186.413.500
2	CAO BẰNG	574.209	57.420.900
3	LẠNG SƠN	867.328	86.732.800
4	LÀO CAI	1.753.838	175.383.800
5	THÁI NGUYÊN	1.745.413	174.541.300
6	PHÚ THỌ	3.944.923	394.492.300
7	SƠN LA	1.380.183	138.018.300
8	LAI CHÂU	500.866	50.086.600
9	ĐIỆN BIÊN	662.829	66.282.900
10	HÀ NỘI	8.482.468	848.246.800
11	HẢI PHÒNG	4.426.351	442.635.100
12	QUẢNG NINH	1.448.606	144.860.600
13	HƯNG YÊN	3.466.989	346.698.900
14	BẮC NINH	3.464.330	346.433.000
15	NINH BÌNH	4.344.358	434.435.800
16	THANH HÓA	4.271.394	427.139.400
17	NGHỆ AN	3.771.261	377.126.100
18	HÀ TĨNH	1.607.190	160.719.000
19	QUẢNG TRỊ	1.853.390	185.339.000
20	HUẾ	1.398.962	139.896.200
21	ĐÀ NẴNG	2.923.129	292.312.900
22	QUẢNG NGÃI	2.120.967	212.096.700
23	GIA LAI	3.550.615	355.061.500
24	ĐẮK LẮK	3.304.724	330.472.400
25	KHÁNH HÒA	2.218.713	221.871.300
26	LÂM ĐỒNG	3.752.671	375.267.100
27	ĐỒNG NAI	4.253.678	425.367.800
28	TP. HỒ CHÍ MINH	9.893.448	989.344.800
29	TÂY NINH	3.164.515	316.451.500
30	ĐỒNG THÁP	4.164.723	416.472.300
31	VĨNH LONG	4.208.806	420.880.600
32	CẦN THƠ	4.096.980	409.698.000
33	AN GIANG	4.910.663	491.066.300
34	CÀ MAU	2.609.773	260.977.300